



WELCOME TO



100+
BÀI TOÁN
ÔN TẬP HÈ – LỚP 2

100+

BÀI TOÁN ÔN TẬP HÈ CƠ BẢN, NÂNG CAO VÀ TƯ DUY

Bộ bài tập DUY NHẤT tại
Aplus, tổng hợp hàng trăm
bài Toán hay! **CHÚNG TA
CÙNG HỌC NHÉ!**





Ôn tập Toán lớp 2 Cơ bản, Nâng cao & Tư duy

- **Mục đích:**

- Giúp học sinh ôn tập, ghi nhớ lại các kiến thức cơ bản
- Giúp học sinh tiếp cận các dạng toán quốc tế
- Nâng cao và phát triển tư duy cho học sinh

- **Nguồn tài liệu:**

- Toán tư duy Mỹ - Aplus
- Sách giáo khoa, sách nâng cao và các tài liệu khác

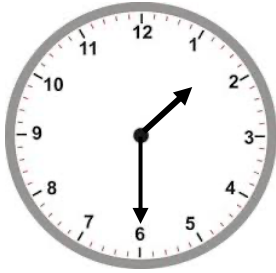
- **Kiểm tra và đánh giá:**

- Phụ huynh nên chấm bài mỗi khi các con hoàn thành bài tập
- Sau thời gian ôn tập hè, phụ huynh có thể liên hệ trung tâm để tiến hành kiểm tra và đánh giá kiến thức trong thời gian qua.

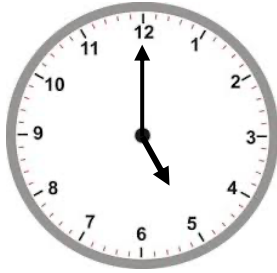
- **Lưu ý:**

- Tài liệu được biên soạn bởi đội ngũ giáo viên trung tâm toán Aplus
- Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi sai sót, mong quý phụ huynh góp ý để đội ngũ giáo viên chúng tôi chỉnh sửa và hoàn thiện tốt hơn.
- Mọi ý kiến phản hồi xin vui lòng gửi vào mail: qltt.aplus@gmail.com

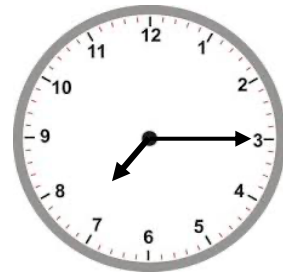
a)



b)



c)

[illegible]

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89										

[illegible]

Bài 10: Tìm

- a) Chữ số nào nằm ở hàng trăm trong số 508?
- b) Chữ số nào nằm ở hàng đơn vị trong số 35?
- c) Chữ số nào nằm ở hàng trăm trong số 1726?
- d) Chữ số nào nằm ở hàng đơn vị trong số 240?
- e) Chữ số nào nằm ở hàng nghìn trong số 3092?

Bài 11: Tìm x

a) $x + 65 = 92$

b) $100 - x = 35$

.....

.....

.....

.....

Bài 12: Viết các tổng sau thành tích

a) $2 + 2 + 2 + 2 =$

a) $5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 =$

b) $4 + 4 + 12 + 8 =$

c) $3 + 6 + 9 + 12 =$

a) $56 - 38 = \dots$	b) $71 - 56 = \dots$	c) $66 + 34 = \dots$
d) $82 - 45 = \dots$	e) $73 - 35 = \dots$	f) $47 + 45 = \dots$
g) $43 - 24 = \dots$	h) $44 + 30 = \dots$	i) $100 - 49 = \dots$
j) $37 + 42 = \dots$	k) $100 - 55 = \dots$	l) $100 - 99 = \dots$

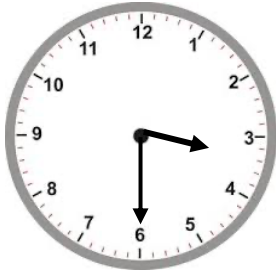
Bài giải:

[illegible]

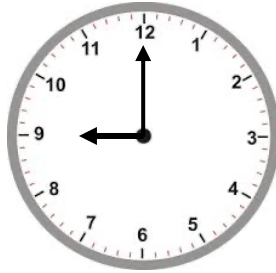
Bài giải:

[illegible]

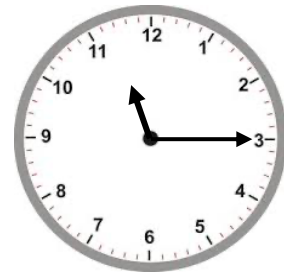
a)



b)



c)



b) $y - 55 = 35 - 13$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài giải:

[illegible]

Bài 19: Tìm

- a) Chữ số nào nằm ở hàng trăm trong số 236?
- b) Chữ số nào nằm ở hàng đơn vị trong số 84?
- c) Chữ số nào nằm ở hàng trăm trong số 2075?
- d) Chữ số nào nằm ở hàng đơn vị trong số 567?
- e) Chữ số nào nằm ở hàng nghìn trong số 1209?
- f) Có bao nhiêu chục trong số 120?
- g) Có bao nhiêu chục trong số 250?

Bài 20: Cho các số: 176; 285; 109; 55; 230. Hãy viết theo thứ tự sau:

- a) Từ bé đến lớn:
- b) Từ lớn về bé :

Bài 21: Đếm cách

- a) 2, 4, 6,,,,, 16,,,,, 28.
- b) 3, 6,, 12,,,,, 30,,,,
- c) 4,, 12,,,,, 36,,,,,

Bài 22: Tính

- | | | |
|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| a) $5 \times 8 = \dots$ | b) $2 \times 9 = \dots$ | c) $6 \times 3 = \dots$ |
| d) $4 \times 6 = \dots$ | e) $3 \times 9 = \dots$ | f) $6 \times 5 = \dots$ |
| g) $2 \times 8 = \dots$ | h) $4 \times 10 = \dots$ | i) $5 \times 7 = \dots$ |
| j) $14 : 2 = \dots$ | k) $30 : 5 = \dots$ | l) $15 : 5 = \dots$ |
| m) $24 : 6 = \dots$ | n) $20 : 4 = \dots$ | o) $21 : 3 = \dots$ |

Bài 23: Điền các số còn thiếu vào chỗ trống

- | | | |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| a) $10 \times \dots = 40$ | b) $2 \times \dots = 18$ | c) $\dots \times 8 = 24$ |
| d) $30 : \dots = 10$ | e) $25 : \dots = 5$ | f) $4 \times \dots = 32$ |
| g) $35 : \dots = 7$ | h) $\dots \times 10 = 50$ | i) $36 : \dots = 6$ |

Bài 24: Tìm y

a) $y \times 5 = 15$

b) $40 : y = 4$

.....

.....

.....

.....

Bài giải :

[illegible]

Bài giải :

[illegible]

Bài giải :

[illegible]

Bài 28: Tìm

- a) Biết số liền trước của a là 23, hãy tìm số liền sau của a?.....
- b) Biết số liền sau của b là 35, hãy tìm số liền trước của b?
- c) Biết số c không có số liền trước, hỏi c là số nào?

Bài 29:

- a) Viết tất cả các số có hai chữ số và bé hơn 19?
.....
- b) Viết tất cả các số tròn chục vừa lớn hơn 41 vừa bé hơn 93?
.....
- c) Hãy tìm hai số liền nhau, biết một số có hai chữ số, một số có một chữ số?
.....

Bài 30:

- a) Có bao nhiêu số có hai chữ số bé hơn 54?
.....
- b) Từ 57 đến 163 có bao nhiêu số?
.....
- c) Có bao nhiêu số có ba chữ số lớn hơn 369?
.....

d) $46 < x - 45 < 48$

Bài giải :

[illegible]

Bài giải

[illegible]

a) $5 \times 2 \times 6 = \dots$ b) $2 \times 4 \times 3 = \dots$ c) $6 \times 3 : 2 = \dots$

d) $4 \times 6 : 3 = \dots$ e) $3 \times 3 \times 3 = \dots$ f) $6 : 2 \times 5 = \dots$

g) $2 \times 8 \times 0 = \dots$ h) $4 \times 10 : 5 = \dots$ i) $5 \times 3 \times 2 = \dots$

a) 8, 16, 24,, 64,,,,,,

b) 9, 18,, 36,,,,, 90,,,,

c) 10,, 30,,,,, 90,,,,

d) 11,, 33,,,,, 88,,,,

Bài giải :

[illegible]

Bài 37: Điền các số còn thiếu vào chỗ trống

a) $10x \dots\dots = 50$

b) $3 \times \dots = 18$

c) $x 8 = 32$

d) $40 : \dots\dots = 10$

e) $35 : \dots\dots\dots = 5$

f) $4x \dots\dots = 16$

g) $42 : \dots\dots\dots = 7$

h) $\dots \cdot x \cdot 10 = 80$

i) $30 : \dots = 6$

Bài 38: Tìm y

a) $y \times 5 - 12 = 38$

b) $60 : y = 54 - 48$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 39: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân với 5 rồi trừ đi 12 thì bằng 38?

Bài giải:

[illegible]

Bài 40:

a) Tìm một số có hai chữ số và một số có một chữ số sao cho tổng hai số đó bằng 10

.....

b) Tìm một số có hai chữ số và một số có một chữ số sao cho hiệu hai số đó bằng 1

.....

Bài 41:

a) Tổng lớn nhất của hai số có một chữ số là bao nhiêu?

.....

b) Tổng bé nhất của số có một chữ số và số có hai chữ số là bao nhiêu?

.....

c) Hiệu lớn nhất của 2 số có hai chữ số là bao nhiêu?

.....

d) Hiệu bé nhất của số có hai chữ số và số có một chữ số là bao nhiêu?

.....

Bài 42:

a) Tìm những số có 2 chữ số lớn hơn 35 mà chữ số hàng chục của nó bé hơn 4

.....

b) Tìm những số có hai chữ số bé hơn 26 mà chữ số hàng đơn vị của nó lớn hơn 4

.....

Bài giải:

[illegible]

Bài giải:

[illegible]

Bài giải:

[illegible]

Bài 49:

a) $5 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

b) $7 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

c) $6 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

d) $3 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

e) $30 \text{ cm} = \dots\dots \text{ dm}$

f) $4 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

g) $50 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

h) $100 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

i) $2 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

Bài 50: Điền dấu thích hợp $<$, $>$, $=$

a) 4 dm 40 cm

b) 5 m 65 cm

c) 35 dm 3 m

d) 71 cm 8 dm

e) 28 mm 6 cm

f) 2 m 500 cm

Bài 51: Mỗi viên bi đỏ có giá 10 xu. Mỗi viên bi trắng có giá 12 xu. Mỗi viên bi xanh nước biển có giá 15 xu. Tìm tổng giá tiền của 3 viên bi đỏ, 4 viên bi trắng và 2 viên bi xanh nước biển?

Bài giải:

[illegible]

f) $80 \text{ dm} - 3 \text{ m} = \dots\dots \text{ dm}$

a) Xoá bỏ chữ số 3?

.....

b) Xoá bỏ chữ số 6?

.....

a) Đánh số các trang của một cuốn sách từ 1 đến 19, phải dùng hết bao nhiêu số?

.....

.....

b) Đánh số các trang của một cuốn sách từ 10 đến 25, phải dùng hết bao nhiêu số?

.....

.....

c) Đánh số các trang của một cuốn sách từ 120 đến 129, phải dùng hết bao nhiêu số?

.....

.....

Bài 57: Em hãy viết 18 thành tổng của các số hạng bằng nhau

[illegible]

a) Tìm một số, biết tổng của số đó với 45 bằng số bé nhất có ba chữ số?

.....

b) Tìm một số, biết hiệu của số đó với 28 bằng số bé nhất có 1 chữ số?

.....

c) Tìm một số, biết hiệu của 89 với số đó bằng 15?

.....

a) Tìm số bị trừ, biết tổng của số trừ và hiệu là 87?

.....

b) Tìm số trừ, biết hiệu hai số kém số bị trừ là 56?

.....

c) Tìm số bị trừ, biết số bị trừ hơn số trừ là 24 và hiệu của hai số bằng số trừ?

.....

Bài 60: Hai đội bóng bàn, mỗi đội có 3 người chơi đấu bóng bàn với nhau. Mỗi người của đội này đều đấu một ván với mỗi người của đội kia. Hỏi có tất cả bao nhiêu ván đấu?

[illegible]

Bài giải :

[illegible]

Bài giải :

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89										

Bài giải :

[illegible]

[illegible][illegible][illegible]

Bài 67: Viết các tích sau thành tổng và thực hiện phép tính

a) $4 \times 3 = 4 + 4 + 4 = 12$

b) $7 \times 6 = \dots\dots\dots$

c) $9 \times 5 = \dots\dots\dots$

d) $20 \times 4 = \dots\dots\dots$

e) $25 \times 2 = \dots\dots\dots$

f) $100 \times 3 = \dots\dots\dots$

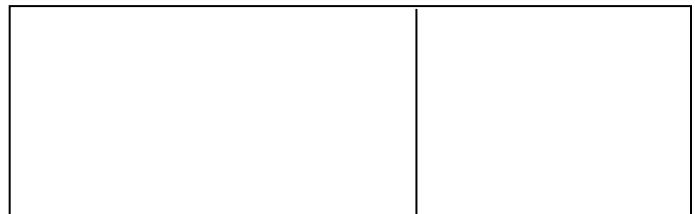
Bài 68:

a) $4 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$ b) $5 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$ c) $3 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

d) $30 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$ e) $60 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$ f) $5 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

g) $100 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$ h) $200 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$ i) $7 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

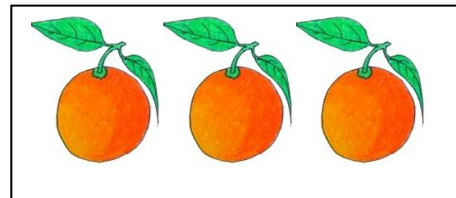
Bài 69: Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng vào trong hình vẽ bên để hình mới có 6 hình chữ nhật.



Bài 70: Trên bãi cỏ có 15 con bò. Số bò nhiều hơn số trâu là 10 con. Số cừu bằng số bò và trâu cộng lại. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con cừu? bao nhiêu con trâu? Tất cả có bao nhiêu con?



Bài 71: 3 quả cam có giá 25 xu



- a) 6 quả cam có giá bao nhiêu:?
- b) 15 quả cam có giá bao nhiêu:?
- c) 100 xu mua được bao nhiêu quả cam:?

Bài 72: Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng vào trong hình vẽ bên để hình mới có 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác.



Bài 73:

a) Có bao nhiêu số có hai chữ số lớn hơn 27?

.....

b) Có bao nhiêu số có ba chữ số bé hơn 534?

.....

c) Từ 100 đến 179 có bao nhiêu số có ba chữ số?

.....

Bài 74: Tìm y

a) $y x^2 - 12 = 8$

b) $30 : y + 15 = 21$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

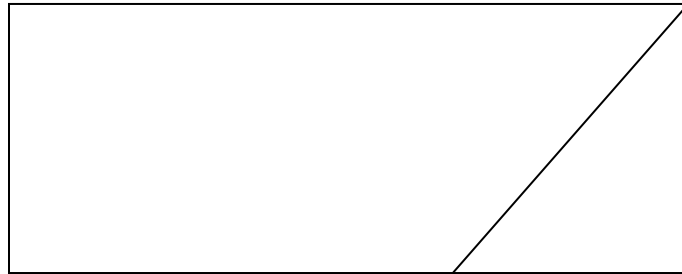
.....

.....

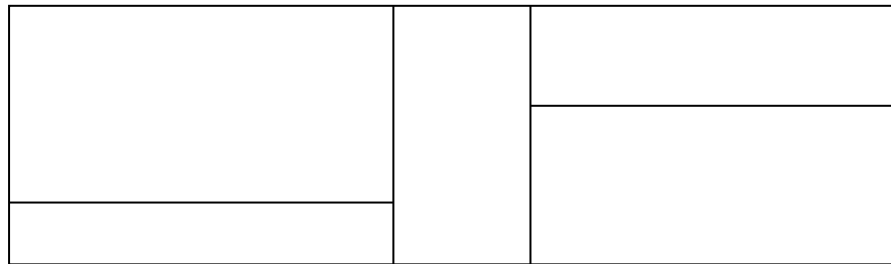
Bài 75: Bạn Mai muốn biết ngày khai giảng năm học 5 - 9 là vào thứ mấy. Bạn Lan lại cho biết "ngày 25 -9 là vào thứ hai". Em có thể giúp bạn Mai biết ngày khai giảng là thứ mấy trong tuần không?

[illegible]

Bài 76: Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng vào trong hình vẽ bên để hình mới có 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác.

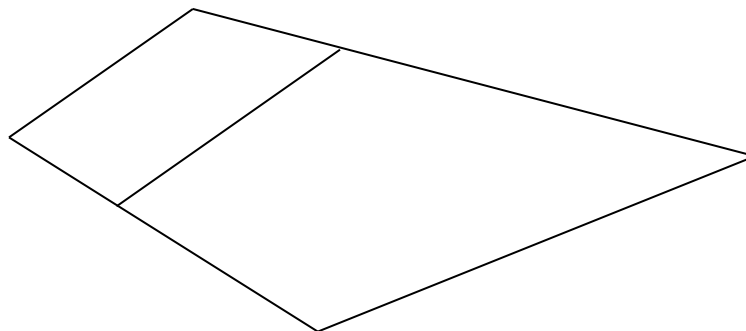


Bài 77: Hình vẽ bên có bao nhiêu hình chữ nhật?



.....

Bài 78: Hãy vẽ thêm một đoạn thẳng vào trong hình vẽ bên để hình mới có 6 hình tứ giác.



a) 0, 1, 3, 6, 10,,,,,,

b) 0, 5, 4, 9, 8, 13,,,,,,

c) 1, 2, 4, 8, 16,,,,,,

d) 0, 1, 1, 2, 4, 7,,,,,,



- 6 vỏ lon CocaCola có giá bao nhiêu:?
- 10 vỏ lon CocaCola có giá bao nhiêu:?
- 50 xu mua được bao nhiêu vỏ lon CocaCola:?

Bài 81: Đôi thỏ nhà Thu đẻ được 6 con. Vậy chuồng thỏ nhà Thu có bao nhiêu đôi tai thỏ, bao nhiêu chân thỏ?

[illegible]

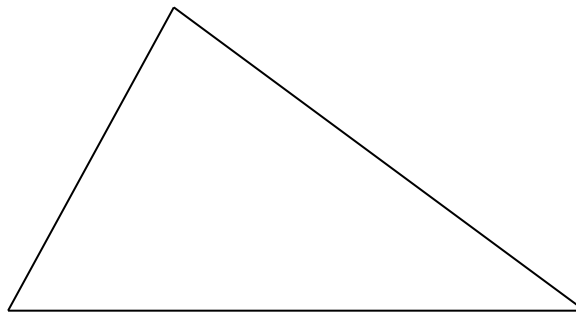
Bài 82:

- a) $42 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m } \dots\dots\dots \text{ dm}$ b) $53 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm } \dots\dots\dots \text{ cm}$
- c) $305 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m } \dots\dots\dots \text{ cm}$ d) $6 \text{ m } 50 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$
- e) $8 \text{ dm } 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$ f) $7 \text{ cm } 20 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

Bài 83: Thầy giáo có 45 quyển vở, thầy thưởng cho 6 học sinh, mỗi bạn 4 quyển. Hỏi sau khi thưởng thầy còn lại mấy quyển?

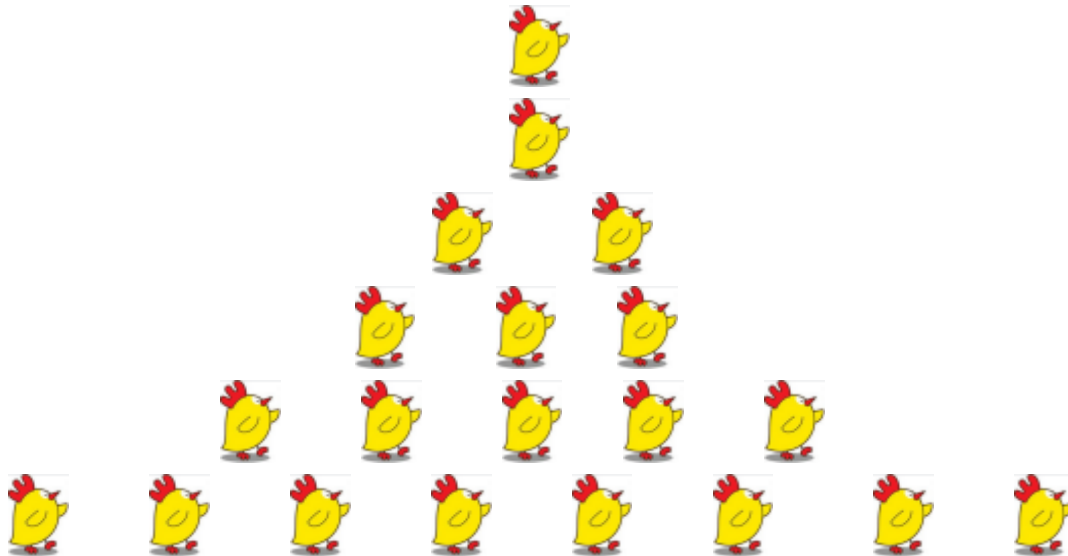


Bài 84: Hãy vẽ thêm hai đoạn thẳng vào trong hình vẽ bên để hình mới có 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác.



[illegible]

Bài 88:



- a) Có bao nhiêu con gà trong hàng kế tiếp:?
- b) Và hàng tiếp theo:?

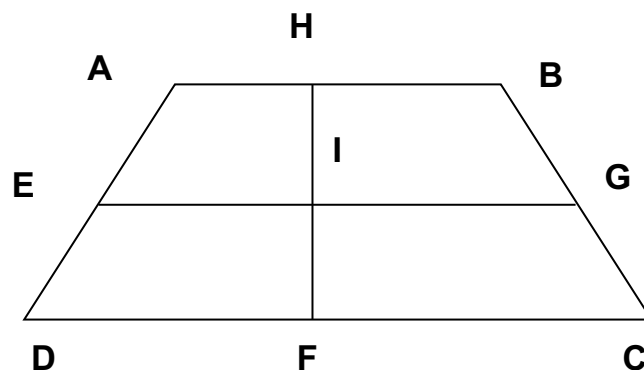
Bài 89:

Bạn Lan nói: “Hình bên dưới có 9 hình tứ giác”

Bạn Mai nói: “Hình này chỉ có 4 hình tứ giác”

Bạn Nam nói: “Hình này có 6 hình tứ giác”.

Theo em bạn nào nói đúng?



a) Đánh số trang của một quyển sách dày 17 trang thì, phải dùng bao nhiêu chữ số?

b) Đánh số trang một quyển truyện từ 134 đến 143, phải dùng hết bao nhiêu chữ số?

Bài 91: Số kẹo của Lan là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau. Lan cho Hoa số kẹo là số chẵn nhỏ nhất có hai chữ số. Hỏi Lan còn bao nhiêu cái kẹo?

[illegible]

Bài 92: Có hai thùng đựng dầu, thùng thứ nhất chứa 55 lít dầu. Nếu đổ từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai 13 lít dầu thì số dầu hai thùng bằng nhau. Hỏi lúc đầu thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít dầu?

[illegible]

a) 

b) 

Bài giải :

[illegible][illegible]

a)



25

37

b)

A balance scale is shown. On the left pan, there are three blue squares stacked vertically. On the right pan, there is one orange rectangle and one red circle containing the number 5. The scale is balanced.

a) 12, 24, 36,,,,,,,,,

b) 15, 30,, 60,,,,,, 150,,,

c) 25,, 75,,,,,, 225,,,,

d) 50, 100, 150,,,,,,,,,,

Bài giải :

[illegible]

Bài 99: Tìm y

a) $82 - y \times 2 = 66$

b) $24 + 50 : y = 29$

.....

.....

.....

.....

.....

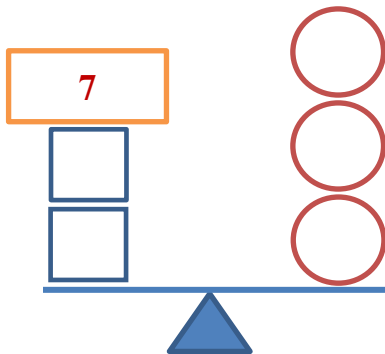
.....

.....

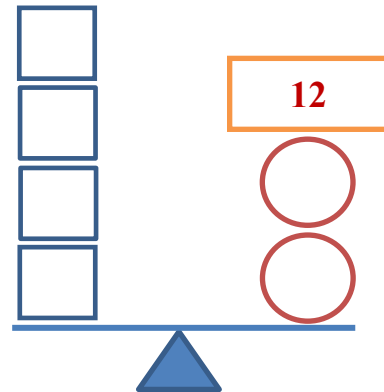
.....

Bài 100: Các hình giống nhau phải mang số giống nhau, các hình khác nhau phải mang số khác nhau. Hãy điền số vào các hình để cân được thăng bằng.

a)



b)



**Chúc các con có mùa hè
Bổ ích và thú vị !**

